

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**TRẦN THỊ THANH**

**PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC - ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Kế toán**

**Mã ngành : 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng, Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG**

Phản biện 1: **PGS.TS. HOÀNG TÙNG**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN VIỆT**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày  
08 tháng 01 năm 2012

*\* Có thể tìm hiểu luận văn tại :*

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Phân tích cấu trúc tài chính là việc phân tích tình hình huy động, sử dụng vốn và mối quan hệ giữa tình hình huy động với tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp. Qua đó, giúp cho nhà quản lý nắm được tình hình phân bổ tài sản và các nguồn tài trợ của tài sản, biết được các nguyên nhân cũng như các dấu hiệu ảnh hưởng đến cân bằng tài chính. Những thông tin này sẽ là những căn cứ quan trọng để các nhà quản trị ra các quyết định điều chỉnh chính sách huy động và sử dụng vốn của mình, đảm bảo cho doanh nghiệp có được một cấu trúc tài chính lành mạnh, hiệu quả, tránh được các rủi ro trong kinh doanh.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới bước vào khủng hoảng từ năm 2008, đến nay cũng vẫn chưa được phục hồi. Kinh tế trong nước cũng gặp nhiều khó khăn, sự điều hành kinh tế vĩ mô của nhà nước vẫn còn bị động, nền kinh tế lạm phát cao, chính sách tiền tệ của nhà nước thay đổi nhiều cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong đó có Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Trong bối cảnh đó, lựa chọn cho mình một cấu trúc tài chính hợp lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp, quyết định tới sự phát triển của doanh nghiệp. Qua phân tích cấu trúc tài chính tại Công ty sẽ góp phần nhằm tăng cường công tác quản trị tài chính góp phần vào việc nâng cao hiệu quả của việc huy động và sử dụng các nguồn tài trợ, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như tránh các rủi ro cho doanh nghiệp trong thời gian đến, đồng thời làm gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Từ những lý do trên, tôi đã chọn đề tài: “Phân tích cấu trúc tài chính tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước-Đà Nẵng” làm đề tài nghiên cứu của mình.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Trên cơ sở lý luận về cấu trúc tài chính, luận văn sẽ tiến hành đánh giá thực trạng cấu trúc tài chính của Công ty từ đó rút ra những điểm mạnh và điểm yếu trong chính sách tài trợ của Công ty nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp. Từ công tác phân tích này, nhà quản trị sẽ biết được cân bằng tài chính hiện tại của Công ty để từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện cấu trúc tài chính nhằm cải thiện cân bằng tài chính, giảm rủi ro liên quan đến hoạt động tài trợ. Đây cũng là cơ sở để Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thu hút thêm các nguồn vốn để phục vụ cho mục đích kinh doanh của mình.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài được giới hạn trong việc phân tích cấu trúc tài chính tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Thời gian nghiên cứu là 03 năm từ 2008, 2009 đến 2010.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu kinh nghiệm thực tế về cấu trúc tài chính tại các doanh nghiệp ở trong nước cũng như trên thế giới để nghiên cứu về trường hợp của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, dùng các phương pháp so sánh để phân tích từ chi tiết đến tổng hợp.

## **5. Những đóng góp khoa học của đề tài**

Luận văn hệ thống hoá cơ sở lý thuyết về cấu trúc tài chính doanh nghiệp, thông qua việc đánh giá các đặc trưng cấu trúc tài

chính của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện cấu trúc tài chính của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty, giúp cho việc đa dạng hoá các nguồn tài trợ cho công ty trong thời gian tới.

## **6. Bố cục của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, luận văn bao gồm 03 chương:

Chương 1. Cơ sở lý thuyết về phân tích cấu trúc tài chính

Chương 2: Phân tích thực trạng cấu trúc tài chính tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

Chương 3: Một số giải pháp nhằm cải thiện cấu trúc tài chính tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

## **Chương 1**

### **CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Tổng quan về cấu trúc tài chính doanh nghiệp**

##### ***1.1.1. Khái niệm về tài chính doanh nghiệp***

Tài chính doanh nghiệp là các quỹ tiền tệ và sự vận động của các quỹ tiền tệ hoạt động của doanh nghiệp [2].

Tài chính doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính doanh nghiệp được thể hiện trong các báo cáo tài chính của doanh nghiệp vào cuối kỳ. Qua việc phân tích các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, có thể đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

##### ***1.1.2. Khái niệm cấu trúc tài chính doanh nghiệp***

Cấu trúc là nói đến các bộ phận cấu thành và mối liên hệ của chúng trong một tổng thể. Từ khái niệm chung này, có thể đưa ra khái niệm về cấu trúc tài chính. Cấu trúc tài chính là chỉ tiêu phản ánh nguồn vốn của doanh nghiệp cùng mối quan hệ giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

Thuật ngữ cấu trúc tài chính được sử dụng phổ biến bởi các nhà kinh tế Pháp, còn các nhà kinh tế Mỹ thường sử dụng thuật ngữ cấu trúc vốn.

Hai thuật ngữ cấu trúc tài chính và cấu trúc vốn được phản ánh mối quan hệ giữa các khoản nợ và vốn chủ sở hữu, trong đó cấu trúc tài chính đề cập đến mối quan hệ giữa “nợ và vốn chủ sở hữu phục vụ quá trình tài trợ của doanh nghiệp” [11, tr.6], còn cấu trúc vốn được hiểu là “quan hệ tỷ lệ giữa nợ trung dài hạn và vốn chủ sở hữu [11, tr.6].

Một quan điểm khác cũng cho rằng “cấu trúc tài chính được hiểu là sự kết hợp giữa nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, cổ phần ưu đãi và cổ phần thường được dùng để tài trợ cho quyết định đầu tư ở một doanh nghiệp, trong khi đó cấu trúc vốn chỉ là sự kết hợp giữa nợ ngắn hạn thường xuyên, nợ dài hạn, cổ phần ưu đãi và cổ phần thường. Phía bên phải của bảng cân đối kế toán được dùng để chỉ cấu trúc tài chính của một doanh nghiệp” [11, tr.411-431]

Tuy nhiên, có quan điểm khác lại xem xét “cấu trúc tài chính là khái niệm rộng, phản ánh cấu trúc tài sản, cấu trúc nguồn vốn và cả mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp” [6, tr.55].

Từ các khái niệm trên, tiếp cận cấu trúc tài chính dựa vào mối quan hệ giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu nhằm đáp ứng nhu cầu tài trợ của doanh nghiệp.

### ***1.1.3. Lý thuyết về cấu trúc tài chính doanh nghiệp***

#### ***Lý thuyết truyền thống***

Các nhà kinh tế theo quan điểm truyền thống cho rằng để tối đa hóa tổng giá trị doanh nghiệp hay nói cách khác "để tối thiểu hóa chi phí sử dụng vốn bình quân, doanh nghiệp có thể tăng khoản nợ vay đến một tỷ lệ tối ưu trong điều kiện giả định lợi nhuận hoạt động không chịu tác động của việc vay nợ [11, tr.358-361], nghĩa là tỷ suất sinh lợi dự kiến từ vốn chủ sở hữu không tăng khi vay thêm nợ, khi đó chi phí sử dụng vốn bình quân phải giảm khi tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng. Nói cách khác **các nhà kinh tế theo quan điểm truyền thống cho rằng tồn tại một cấu trúc tài chính tối ưu với mỗi doanh nghiệp.**

#### ***Lý thuyết hiện đại:***

+ Lý thuyết về cấu trúc tài chính của Modigliani và Miller (MM)

Trái với quan điểm truyền thống, Modigliani và Miller (1958) đã tìm hiểu xem chi phí vốn tăng hay giảm khi một doanh nghiệp tăng hay giảm vay mượn. Hai ông đã đưa ra hai định đề nổi tiếng lý giải mối quan hệ giữa giá trị doanh nghiệp, chi phí sử dụng vốn và mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp [12, tr.11].

Theo MM, thì tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu có quan hệ cùng chiều với mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính hay tỷ số nợ.

#### ***Lý thuyết cấu trúc tài chính tối ưu***

Sử dụng kết quả của mô hình MM với việc bổ sung thêm chi phí trung gian và chi phí khánh tận tài chính trong quá trình vay nợ, các khoản chi phí này cản trở quá trình vay nợ của doanh nghiệp [Myers, 1977]. Mô hình MM giả định EBIT mong đợi không đổi nên chỉ xem xét tác động của các đòn cân nợ không tính đến các khả

năng thay đổi EBIT trong thực tế. Nếu thực tế EBIT đang ở trong chiều hướng đi xuống thì việc sử dụng nợ có tác động ngược chiều và doanh nghiệp có thể sẽ phá sản, những chi phí liên quan đến xu hướng này là chi phí khánh tận

### ***Lý thuyết trật tự phân hạng của Myers và Majluf***

Lý thuyết trật tự phân hạng bắt đầu với thông tin bất cân xứng - một cụm từ dùng để chỉ rằng nhà quản trị công ty biết nhiều về các tiềm năng, rủi ro và các giá trị của doanh nghiệp mình hơn là các nhà đầu tư bên ngoài

Lý thuyết trật tự phân hạng giải thích tại sao các doanh nghiệp có khả năng sinh lợi nhất thường vay nợ ít hơn và ngược lại. Trong lý thuyết này, sự hấp dẫn của lá chắn thuế từ các khoản vay nợ được coi là thứ yếu. Tỷ lệ nợ thay đổi khi có bất cân đối của dòng tiền nội bộ, cổ tức và các cơ hội đầu tư thực sự. Các doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao với cơ hội đầu tư hạn chế sẽ cố gắng đạt được tỷ lệ nợ thấp. Các doanh nghiệp có cơ hội đầu tư lớn hơn các nguồn vốn phát sinh nội bộ thường buộc phải vay nợ nhiều hơn.

## **1.2. Phân tích cấu trúc tài chính doanh nghiệp**

### ***1.2.1. Khái niệm và nội dung phân tích***

#### ***1.2.2. Phân tích cấu trúc tài sản của doanh nghiệp***

Phân tích cấu trúc tài sản nhằm đánh giá những đặc trưng cơ bản trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp, tính hợp lý khi đầu tư vào vốn cho hoạt động kinh doanh.

Có rất nhiều chỉ tiêu phân tích tùy thuộc vào mục tiêu của nhà phân tích cần phản ánh, nhưng nguyên tắc chung nhất để thiết lập chỉ tiêu này là tỷ trọng về giá trị của từng loại tài sản trên tổng giá trị tài sản doanh nghiệp.

### Giá trị tài sản i

$$\text{Tỷ trọng tài sản i} = \frac{\text{Giá trị tài sản i}}{\text{Tổng giá trị tài sản}}$$

Trong đó tài sản loại 1 là những tài sản có chung một đặc trưng kinh tế nào đó như: tiền, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định... Tổng giá trị tài sản là tổng giá trị toàn bộ tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm có thể được xác định theo giá thị trường hoặc bằng tổng giá trị phần tài sản trên Bảng cân đối kế toán. Với nguyên lý chung đó, khi phân tích cấu trúc tài sản thường sử dụng các chỉ tiêu như sau:

#### *1.2.2.1. Tỷ trọng tiền*

#### *1.2.2.2. Tỷ trọng giá trị đầu tư tài chính*

#### *1.2.2.3. Tỷ trọng hàng tồn kho*

#### *1.2.2.4. Tỷ trọng phải thu khách hàng*

#### *1.2.2.5. Tỷ trọng TSCĐ*

### **1.2.3. Phân tích cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp**

#### *1.2.3.1. Đặc điểm của các nguồn tài trợ của doanh nghiệp*

- a. Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu
- b. Nguồn vốn thường xuyên và nguồn vốn tạm thời

#### *1.2.3.2. Phân tích cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp*

- a. Phân tích tính tự chủ về tài chính của doanh nghiệp

Tính tự chủ về tài chính của doanh nghiệp phản ánh khả năng chủ động về tài chính của doanh nghiệp trong việc tài trợ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của mình, thể hiện qua các chỉ tiêu: **Tỷ suất nợ, Tỷ suất tự tài trợ, Tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu.**

- b. Phân tích tính ổn định của nguồn tài trợ

Phân tích tính ổn định của nguồn tài trợ là một nội dung quan trọng trong phân tích cấu trúc nguồn vốn và luôn là vấn đề được chú trọng hàng đầu của mọi doanh nghiệp. Nó quyết định đến hiệu quả cũng như phương hướng hoạt động của doanh nghiệp trong lâu dài. Căn cứ vào thời hạn sử dụng và chi phí sử dụng vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp được chia làm hai loại: nguồn vốn thường xuyên và nguồn vốn tạm thời.

Tỷ suất nguồn vốn thường xuyên cao chứng tỏ nguồn tài trợ của doanh nghiệp về nợ dài hạn và nguồn vốn chủ sở hữu càng cao.

#### **1.2.4. Phân tích cân bằng tài chính của doanh nghiệp**

##### *1.2.4.1. Khái quát về cân bằng tài chính doanh nghiệp*

Cân bằng tài chính là một nội dung trong công tác quản trị tài chính của doanh nghiệp, thể hiện sự cân đối tài sản và nguồn vốn.

Cân bằng tài chính phản ánh phương thức và chính sách tài trợ của doanh nghiệp.

Phân tích cân bằng tài chính là cơ sở để doanh nghiệp lựa chọn chính sách tài trợ phù hợp.

##### *1.2.4.2. Nội dung phân tích cân bằng tài chính doanh nghiệp*

- a. Phân tích cân bằng tài chính dài hạn qua chỉ tiêu vốn lưu động ròng
- b. Phân tích cân bằng tài chính ngắn hạn
  - b1) Nhu cầu vốn lưu động ròng
  - b2) Ngân quỹ ròng

### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính doanh nghiệp**

Kết quả nghiên cứu lý thuyết về cấu trúc tài chính với phạm vi nghiên cứu các nhân tố có thể ảnh hưởng đến cấu trúc vốn thông qua chỉ tiêu tỷ suất nợ, các nhà kinh tế học đã nghiên cứu thực

nghiệm các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất nợ và đưa ra những kết quả khác nhau.

Tùy theo mức độ biểu hiện và mối quan hệ với cấu trúc tài chính, mà các nhân tố tác động có thể ảnh hưởng theo chiều hướng thuận hoặc nghịch đến chỉ tiêu phân tích.

### ***1.3.1. Lợi nhuận***

### ***1.3.2. Tài sản cố định hữu hình***

### ***1.3.3. Tính thanh khoản***

### ***1.3.4. Khả năng sinh lời***

### ***1.3.5. Hiệu quả hoạt động***

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Cấu trúc tài chính tối ưu là vấn đề quan trọng đối với mọi doanh nghiệp. Lựa chọn được cấu trúc tài chính tối ưu chính là việc giảm chi phí sử dụng vốn một cách tối thiểu, tối đa hoá được giá trị doanh nghiệp. Chương 1 đã hệ thống lại các vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp, nội dung cấu trúc tài chính doanh nghiệp cũng như các lý thuyết về cấu trúc vốn của các nhà kinh tế học trên thế giới và các nhân tố tác động đến cấu trúc tài chính. Qua đó, phần nào cho cái nhìn tổng quan về cấu trúc tài chính doanh, giúp định hướng nghiên cứu về cấu trúc tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước ở các chương tiếp theo.

## **Chương 2**

### **PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

#### **2.1. Đặc điểm và tình hình hoạt động của công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước**

##### ***2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty***

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước là sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ.

Nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến thủy sản xuất khẩu của Công ty là cá, tôm, mực.

Hiện nay, các sản phẩm của công ty đã được xuất khẩu đi nhiều nước như Mỹ, Nhật, EU...Điều này đã giúp Công ty giảm thiểu rủi ro do phụ thuộc vào một thị trường. Nhiều mặt hàng trở thành sản phẩm truyền thống của Công ty,

### ***2.1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty***

Trong 03 năm từ 2008 đến 2010, trong khi các doanh nghiệp cùng lĩnh vực ngành nghề có những khó khăn nhất định thì Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh của mình vẫn có sự tăng trưởng nhất định. Doanh thu của công ty không ngừng tăng, năm 2009 tăng 32,63% so với năm 2008, năm 2010 tăng 20,33% so với năm 2009. Tỷ suất lợi nhuận theo tài sản năm 2009 tăng từ 0,16% lên 1,74% so với năm 2008 và năm 2010 so với năm 2009 tăng từ 1,17 lên 13,32%;

### ***2.1.3. Chính sách tài trợ của Công ty***

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên của Công ty hàng năm, Công ty lên kế hoạch để tìm kiếm các nguồn tài trợ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình. Việc xác định vốn của Công ty dựa vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và chu kỳ kinh doanh của Công ty

Việc xác định được nhu cầu về vốn của Công ty đã giúp Công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Từng giai đoạn của chu kỳ sản xuất kinh doanh, Công ty xác định cụ thể nhu cầu về tài chính để từ đó lên kế hoạch huy động các nguồn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Vốn của Công ty được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, trong từng hoàn cảnh cụ thể mà sử dụng chính sách tài trợ ưu tiên vốn chủ sở hữu hay đi vay để đáp ứng nhu cầu về vốn của mình sao cho chi phí vốn là rẻ nhất.

## **2.2. Phân tích cấu trúc tài chính tại công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước**

### ***2.2.1. Phân tích cơ cấu tài sản của công ty***

Thực trạng cơ cấu tài sản phản ánh tình hình phân bổ và sử dụng tài sản được thể hiện qua tỷ trọng của từng bộ phận tài sản trong tổng tài sản của mỗi công ty. Qua đó, thể hiện chính sách đầu tư, huy động và sử dụng vốn, đánh giá tính hợp lý trong cơ cấu tài sản hiện tại và xu hướng biến động của từng bộ phận tài sản.

Qua bảng 2.2 cho thấy cấu trúc tài sản của công ty có những điểm nổi bật sau:

Tổng tài sản của công ty 03 năm (từ 2008-2010) có xu hướng sụt giảm vào năm 2009, nhưng năm 2010 lại tăng lên. Điều đó chứng tỏ công ty có sự điều chỉnh trong phương án kinh doanh của mình. Cụ thể tổng tài sản năm 2009 giảm so với năm 2008 là 1.521.200 ngàn đồng (0,64%) nhưng sau đó lại tăng lên vào năm 2010 so với năm 2009 là 13.896.641 ngàn đồng (tăng 5,93%).

### ***2.2.2. Phân tích cấu trúc nguồn vốn tại công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước***

### 2.2.2.1. Phân tích tính tự chủ về tài chính của công ty

Nguồn vốn của doanh nghiệp về cơ bản bao gồm hai bộ phận lớn gồm nguồn vốn vay và nguồn vốn chủ sở hữu. Đây là hai nguồn vốn hoàn toàn khác nhau về tính chất và trách nhiệm pháp lý. Tính tự chủ của công ty xét đến các chỉ tiêu liên quan đến hai nguồn vốn này.

Qua bảng 2.4 cho thấy, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng thấp, năm 2008 là 20,59%, năm 2009 là 25,10%, năm 2010 là 28,74%.

Tỷ suất tự tài trợ tăng dần qua các năm đồng nghĩa với việc tỷ suất nợ giảm dần qua các năm. Như vậy, tính tự chủ về tài chính của công ty đã tăng lên, tốc độ tăng nhanh nhất là vào năm 2009. Công ty đã dần bước ra khỏi sự lệ thuộc bởi các nguồn vốn vay, bắt đầu có sự tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Mặc dù năm 2010, tỷ suất nợ giảm xuống còn 71,26%, nhưng so với tỷ lệ nợ bình quân của các doanh nghiệp thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (giai đoạn 2008-2010) là 65% thì tỷ lệ này là tương đối cao, không tốt cho công ty.

### 2.2.2.2. Tính ổn định của nguồn tài trợ

Cũng như các công ty cổ phần khác, nguồn vốn của Công ty là nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn từ bên ngoài doanh nghiệp. Qua bảng 2.5 cho thấy tỷ suất vốn thường xuyên không cao, chiếm chưa tới 50%.

Tỷ suất nguồn vốn tạm thời của công ty chiếm một tỷ lệ khá cao (chiếm trên 50%) trong ba năm từ 2008 đến 2010. Điều này chứng tỏ Công ty chịu áp lực cao về thanh toán, sự ổn định của về nguồn tài trợ của doanh nghiệp không được tốt.

Tỷ suất NVCSH/NVTX có khuynh hướng tăng lên trong 03 năm. Năm 2008 là 45,6%; năm 2009 là 55,36%; năm 2010 là 59,62%. Tỷ lệ này mặc dù chưa phải là cao nhưng có xu hướng tăng

trong từng năm điều đó cho thấy công ty đã ngày một tự chủ hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, vốn chủ sở hữu đã tăng lên làm cho công ty bớt phụ thuộc vào các nguồn tài trợ bên ngoài, như vậy sẽ làm giảm bớt rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Điều này là rất tốt cho công ty.

### **2.3. Phân tích cân bằng tài chính của công ty**

#### **2.3.1. Phân tích cân bằng tài chính dài hạn của Công ty**

##### **Đánh giá về cân bằng tài chính dài hạn**

Bảng 2.6 cho thấy vốn lưu động ròng của công ty dương cả 03 năm và có xu hướng ngày càng tăng. Như vậy, cân bằng tài chính trong dài hạn là rất tốt.

Mặt khác, chỉ tiêu tỷ suất VLDR/TSNH đều lớn hơn 1, và có xu hướng ngày càng tốt hơn. Nếu như năm 2008, tỷ lệ này chỉ là 0,105 lần thì đến năm 2009 tỷ lệ này là 0,116 lần, năm 2010 tỷ lệ này là 0,137 lần. Như vậy, cấu trúc tài chính năm 2010 có xu hướng tốt hơn các năm trước vì có nhiều tài sản ngắn hạn được tài trợ bằng nguồn vốn dài hạn.

#### **2.3.2 Phân tích cân bằng tài chính ngắn hạn**

##### **Đánh giá về cân bằng tài chính ngắn hạn**

Theo Bảng phân tích 2.7, cho thấy vốn lưu động ròng của công ty dương trong ba năm và có xu hướng tăng. Tuy nhiên, nhu cầu vốn lưu động ròng của công ty là rất lớn cho nên trong 03 năm từ 2008 đến 2010 ngân quỹ ròng thường xuyên âm, điều đó cho thấy trạng thái cân bằng tài chính trong ngắn hạn đều kém an toàn, vốn lưu động ròng hầu hết đều không đủ tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động ròng.

Theo Bảng 2.7, thì số ngày một vòng quay khoản phải thu khách hàng trung bình trên 30 ngày là tương đối ổn định và phù hợp với ngành nghề kinh doanh hải sản đông lạnh của Công ty.

## **2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước**

### **2.4.1. Nhân tố lợi nhuận**

Mối quan hệ giữa lợi nhuận với tỷ suất nợ và tỷ suất nợ trên VCSH là quan hệ nghịch chiều.

### **2.4.2. Nhân tố TSCĐ hữu hình**

Qua bảng 2.9 cho thấy khi tỷ lệ tài sản cố định hữu hình tăng thì tỷ suất nợ và tỷ suất nợ trên VCSH giảm. Tuy nhiên, mối quan hệ này không rõ nét.

Nghiên cứu cấu trúc tài chính của các doanh nghiệp thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sử dụng số liệu từ năm 2006 đến năm 2010 (số liệu do Cục thống kê thành phố cung cấp) của 30 doanh nghiệp thuộc các loại hình sở hữu khác nhau, kết quả:

Đối chiếu với trường hợp Công ty thủy sản và Thương mại Thuận Phước thì công ty thuộc nhóm tỷ lệ TSCĐ chiếm trên 30% tương ứng tỷ lệ nợ trung bình là 31%, nhưng tỷ lệ nợ của Công ty lại rất cao trên 70%. Do vậy, khó có thể kết luận tỷ lệ TSCĐ hữu hình có ảnh hưởng đến tỷ suất nợ hay không.

### **2.4.3. Nhân tố tính thanh khoản**

Tính thanh khoản này có tác động thuận và nghịch đến quyết định cơ cấu vốn.

Bảng 2.11 cho thấy, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước đảm bảo khả năng trả nợ ngắn hạn bởi tài sản ngắn hạn. Tính thanh khoản được cải thiện cũng đồng nghĩa với việc tỷ suất nợ và tỷ suất nợ trên VCSH giảm.

#### **2.4.4. Khả năng sinh lời**

Theo lý thuyết trật tự phân hạng cho rằng các công ty sẽ sử dụng lợi nhuận để lại như là một nguồn vốn tái đầu tư, sau đó mới sử dụng nợ và cuối cùng là phát hành cổ phiếu mới khi cần thiết.

Bảng 2.12 cho thấy khả năng sinh lời tăng lên thì tỷ suất nợ giảm xuống. Năm 2008 khả năng sinh lời 1,53% đến năm 2010 tăng lên 17,45%, tương ứng tỷ suất nợ cũng giảm xuống từ 79,41% xuống còn 71,26%; tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 385,70% xuống còn 247,93%. Qua số liệu trên cho thấy khả năng sinh lời có mối quan hệ nghịch với tỷ suất nợ, tỷ suất nợ trên VCSH của Công ty phù hợp với lý thuyết trật tự phân hạng. Theo đó, Công ty sẽ ưu tiên sử dụng lợi nhuận để lại để tái đầu tư sau đó mới sử dụng nợ.

#### **2.4.5. Nhân tố hiệu quả kinh doanh**

Từ bảng 2.13 cho thấy, tỷ suất sinh lời tài sản cao nhất của Công ty là năm 2010 (đạt 13,92%) thì tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu giảm xuống từ xuống còn 247,9% (khoảng xấp xỉ 2,5 lần). Trong khi đó, vào năm 2008 khi tỷ suất sinh lời tài sản chỉ đạt 0,14% thì tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức 385,70% (tức xấp xỉ 4 lần). Như vậy, khi hiệu quả kinh doanh của công ty tăng lên thì doanh nghiệp cũng bớt nợ đi và mối quan hệ này là quan hệ nghịch chiều.

Nghiên cứu cấu trúc tài chính của các doanh nghiệp thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sử dụng số liệu từ năm 2006 đến năm 2010 (số liệu do Cục thống kê thành phố cung cấp) của 30 doanh nghiệp thuộc các loại hình sở hữu khác nhau,

Qua bảng số liệu cho thấy những doanh nghiệp có ROA dưới 0,5% (hiệu quả kinh doanh thấp) thì có tỷ lệ nợ cao nhất 56%, tiếp đến là những doanh nghiệp có ROA từ 0.5% đến 1% có tỷ lệ nợ là 42% và cuối cùng là những doanh nghiệp có ROA trên 1% có tỷ lệ

nợ thấp nhất là 24%. Điều này thể hiện mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chỉ tiêu hiệu quả hoạt động và tỷ lệ nợ.

Đối chiếu với trường hợp Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước cũng có quan hệ nghịch giữa chỉ tiêu hiệu quả hoạt động và tỷ lệ nợ.

### **Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của Công ty**

Thông qua việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, tác giả nhận thấy:

- Nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến tỷ suất nợ của doanh nghiệp là khả năng sinh lời kinh tế của tài sản (ROA).

- Nhân tố tiếp theo ảnh hưởng đến tỷ suất nợ là khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu, có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với tỷ suất nợ ngắn hạn.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Qua phân tích cấu trúc tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, tác giả rút ra được một số đặc điểm sau:

- Cấu trúc tài chính hiện tại của công ty có vốn chủ sở hữu chiếm một tỷ lệ tương đối nhỏ, nợ bình quân 73%, nếu so với trung bình của các doanh nghiệp thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì tỷ lệ này tương đối cao.

- Cân bằng tài chính trong dài hạn của công ty tương đối ổn định biểu hiện ở việc Công ty ngoài việc dùng vốn thường xuyên để trang trải các khoản dài hạn nợ dài hạn, vẫn còn dư để tài trợ cho tài sản ngắn hạn. Cân bằng tài chính trong dài hạn an toàn và bền vững.

- Cân bằng tài chính trong ngắn hạn là kém an toàn (qua số liệu phân tích từ năm 2008 đến năm 2010). Trong 03 năm qua ngân

quỹ ròng thường xuyên âm, vốn lưu động ròng hầu như không đủ tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động ròng.

### **Chương 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIỆN CẤU TRÚC TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

### **3.1. Mục tiêu và yêu cầu cải thiện cấu trúc tài chính tại Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước**

#### **3.1.1. Chiến lược và phương hướng phát triển của Công ty**

#### **3.1.2. Mục tiêu và yêu cầu cải thiện cấu trúc tài chính tại Công ty**

Lựa chọn cho mình một cấu trúc tài chính để đảm bảo hiệu quả hoạt động và tăng trưởng bền vững là một yêu cầu đặt ra cho Công ty trong giai đoạn hiện nay.

Do đó, để cải thiện cấu trúc tài chính hiện nay của Công ty (Giảm tỷ suất nợ), thì yêu cầu cấp thiết là phải có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản để đạt được khả năng sinh lời kinh tế của tài sản là cao nhất góp phần tăng tích lũy để tái đầu tư.

Nhân tố thứ hai ảnh hưởng đến tỷ suất nợ ngắn hạn của Công ty đó là khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu. Để cải thiện cấu trúc tài chính đó là phải có các biện pháp để giảm tỷ lệ nợ ngắn hạn xuống thấp hơn.

### **3.2. Các giải pháp nhằm đạt được cấu trúc tài chính tại Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.**

#### **3.2.1. Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn**

- Xác định lượng hàng tồn kho hợp lý
- Cân đối tiền tệ sát với nhu cầu thực tế bằng cách: xây dựng phương án điều hòa tiền tệ linh hoạt.
- Tăng cường quản lý công nợ:

### ***3.2.2. Nâng cao tỷ lệ vốn chủ sở hữu thông qua thị trường chứng khoán***

Một trong những phương thức huy động vốn khá phổ biến tại các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển đó là phát hành cổ phiếu thông qua thị trường chứng khoán. Việc phát hành cổ phiếu sẽ cải thiện đáng kể về cấu trúc tài chính hiện nay của công ty.

### ***3.2.3 Lựa chọn phương án tài trợ vốn***

Lựa chọn cho mình một phương án tài trợ vốn thích hợp mà ở đó khả năng sinh lời trên tài sản cao nhất cũng như chi phí sử dụng vốn thấp nhất là yêu cầu đặt ra với bất kỳ doanh nghiệp nào. Điều đó cũng góp phần lựa chọn một cấu trúc tài chính hợp lý tức là phương án lựa chọn mà ở đó hiệu quả tài chính là cao nhất và chi phí sử dụng vốn là thấp nhất.

Là một Công ty đã được cổ phần hoá và chuẩn bị niêm yết trên thị trường chứng khoán nên việc phân tích mối quan hệ giữa lợi nhuận trước thuế và lãi vay-EBIT với lãi cơ bản trên cổ phiếu-EPS là vô cùng cần thiết trong quá trình giao dịch. Phân tích mối quan hệ EBIT-EPS là phân tích sự ảnh hưởng của những phương án tài trợ khác nhau đối với lợi nhuận trên cổ phần. Từ phân tích này, chúng ta sẽ tìm một điểm bàng quang, tức điểm EBIT mà ở đó các phương án tài trợ đều mang lại EPS là như nhau.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2011 của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và các thông tin từ thị trường chứng khoán ta xác định một số thông tin sau:

- Kế hoạch đầu tư năm 2011, dự án đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến thủy sản đông lạnh tại Công ty. Vốn tài trợ bổ sung dự kiến là 17.168.000 ngàn đồng để mua tài sản . Kế hoạch tăng lợi

nhuận tăng 6.682.888 ngàn đồng tăng 20,4% so với thực hiện năm 2010.

Giả sử để huy động nguồn vốn đầu tư trên, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước có thể xem xét 03 phương án huy động vốn như sau:

- Thứ nhất, phát hành trái phiếu với lãi suất 19% bằng với lãi suất cho vay trung bình của các ngân hàng thương mại đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thứ hai, phát hành cổ phiếu ưu đãi 13,5% bằng với mức cho vay của Quỹ đầu tư phát triển thành phố đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu [9].

- Thứ ba, phát hành cổ phiếu phổ thông (số lượng phát hành 1.716.800 cổ phiếu với giá trị cổ phần phát hành là 17.168.000 ngàn đồng chia cho mệnh giá cổ phiếu là 10.000đồng/1 cổ phiếu.

Vốn điều lệ trước khi phát hành là 54.659.000 ngàn đồng, vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 71.817.000 ngàn đồng.

Lợi nhuận trước thuế và lãi vay năm 2010 là: 32.759.258 ngàn đồng

Từ các thông tin trên và số liệu trên các báo cáo tài chính, tác giả lập bảng phân tích sau:

**Bảng 3.1 Phân tích mối quan hệ giữa EBIT-EPS**

Chỉ tiêu	Phương án tài trợ		
	Cổ phiếu thường	Nợ	Cổ phiếu ưu đãi
1 Lợi nhuận trước thuế và lãi vay – EBIT	39.442.146	39.442.146	39.442.146
2. Lãi suất	-	3.261.920	
3. Lợi nhuận trước thuế	39.442.146	36.180.226	39.442.146
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.860.537	9.045.057	9.860.537
5. Lợi nhuận sau thuế	29.581.610	27.135.170	29.581.610
6. Cổ tức cổ phần ưu đãi	-	-	3.993.517
7. Lợi nhuận dành cho cổ đông thường	29.581.610	27.135.170	25.588.092
8. Số lượng cổ phiếu phổ thông	7.182.700	5.465.900	5.465.900
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4,118	4,964	4,681

Giải tích bảng tính trên:

(1) Lợi nhuận trước thuế và lãi vay = Lợi nhuận trước thuế và lãi vay năm 2010 + 6.682.888 ngàn đồng (lợi nhuận tăng theo kế hoạch nêu tại Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011).

(2) Lãi suất phải trả trong trường hợp phát hành trái phiếu

(8) Số lượng cổ phiếu phổ thông trong trường hợp phát hành thêm cổ phần sẽ là 7.182.700 (bằng số lượng cổ phần hiện có của công ty (5.465.900) cộng với số cổ phiếu dự kiến phát hành 1.716.800).

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%

Từ kết quả tính toán ở bảng phân tích mối quan hệ giữa EBIT- EPS, tác giả xác định điểm bàng quan bằng phương pháp đại số.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS được tính:

$$\frac{\text{Lãi cơ bản trên}}{\text{Cổ phiếu - EPS}} = \frac{(\text{EBIT}-I)(1-t)\text{-cổ tức trả hàng năm}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông}} \quad (3.1)$$

Gọi EBIT<sub>1</sub> là EBIT bàng quang giữa 02 phương án là tài trợ bằng bằng cổ phiếu thường và tài trợ bằng nợ. EBIT<sub>2</sub> là EBIT bàng quang giữa hai phương án là tài trợ bằng cổ phiếu thường và tài trợ bằng cổ phiếu ưu đãi. Áp dụng công thức (3.1), thiết lập phương trình cân bằng (3.2) như sau:

<u><b>Tài trợ bằng cổ phiếu thường</b></u>	=	<u><b>Tài trợ bằng nợ</b></u>
$\frac{(\text{EBIT}_1 - 0)(1 - 0,25) - 0}{7.182.700}$		$\frac{(\text{EBIT}_1 - 3.261.920)(1 - 0,25) - 0}{5.465.900}$

Giải phương trình (3.2) ta có EBIT<sub>1</sub> = 13.647.130 (ngàn đồng)

Vậy, điểm bàng quang giữa 02 phương án tài trợ bằng cổ phiếu thường và tài trợ bằng nợ là 13.647.130 ngàn đồng. Vì EBIT cao hơn điểm bàng quang nên phương án tài trợ bằng nợ mang lại EPS cao hơn phương án tài trợ bằng cổ phiếu thường.

Tương tự như trên, ta tính EBIT<sub>2</sub> = 20.901.701 ngàn đồng

Vậy điểm bàng quang giữa 02 phương án tài trợ bằng cổ phiếu thường và tài trợ bằng nợ là 20.901.701 ngàn đồng. Vì EBIT cao hơn điểm bàng quang nên phương án tài trợ bằng cổ phiếu ưu đãi mang lại EPS cao hơn phương án tài trợ bằng cổ phiếu thường.

Tóm lại, thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa EBIT-EPS giúp Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước có thể lựa chọn các phương án tài trợ sao cho mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

### **3.3. Một số kiến nghị**

#### **3.3.1 Đối với nhà nước**

Đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng:

Đề nghị thành phố có chính sách hỗ trợ trong việc vay vốn để mua tàu thuyền, đồng thời tăng cường cho vay vốn đối với các công ty sản xuất hàng xuất khẩu, trong đó có Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

Đề nghị thành phố hỗ trợ để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản tại chỗ.

#### **3.3.2. Đối với Công ty**

Thứ nhất, Gia tăng lợi nhuận bằng cách đa dạng hoá các sản phẩm xuất khẩu, cải tiến mẫu mã, bao bì, nâng cao thương hiệu của công ty, giảm mạnh việc xuất khẩu các mặt hàng đông lạnh mới sơ chế, tăng tỷ trọng hàng đông lạnh có giá trị cao như ...

Thứ hai, tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất, nâng cao tay nghề cho lao động giúp cho chất lượng sản phẩm có sức cạnh tranh với thị trường quốc tế.

Thứ ba, thường xuyên đánh giá lại tài sản cố định, thanh lý những tài sản đã lạc hậu (thường là máy móc thiết bị) để đầu tư máy móc thiết bị hiện đại.

Thứ tư, cần tranh thủ chính sách hỗ trợ xuất khẩu của UBND thành phố để vay các khoản vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới thiết bị sản xuất, nhằm nâng cao giá trị hàng xuất khẩu.

Thứ 5, Công tác tổ chức phân tích tài chính : Xác định mục tiêu phân tích, triển khai phân tích (gồm : thu thập và xử lý thông tin, tính toán các chỉ tiêu phân tích, tổng hợp kết quả và nhận xét đối với từng chỉ tiêu..), kết quả phân tích.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Trên cơ sở mục tiêu và yêu cầu cải thiện cấu trúc tài chính hợp lý tại Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước trong thời gian đến, chương 3 hướng đến giải quyết các vấn đề sau:

Để cải thiện cấu trúc tài chính hiện nay của Công ty (Giảm tỷ suất nợ), thì yêu cầu cấp thiết là phải có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản để đạt được khả năng sinh lời kinh tế của tài sản là cao nhất, góp phần tăng tích lũy để tái đầu tư.

### **KẾT LUẬN**

Để góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty cổ phần - một hình thức kinh tế khá phổ biến và chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một mặt phải hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán trong các công ty cổ phần, mặt khác thường xuyên tổ chức phân tích để đánh giá đúng thực trạng cấu trúc tài chính hiện tại của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và xây dựng chính sách tài trợ hợp lý, góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp.

Qua tìm hiểu thực tế phân tích thực trạng cấu trúc tài chính tại Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước kết hợp nghiên cứu lý luận về phân tích cấu trúc tài chính, tác giả đã hoàn thành luận văn cao học với đề tài: “*Phân tích cấu trúc tài chính tại*

*Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước-Đà Nẵng*” cơ bản giải quyết được một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, trình bày cơ sở lý thuyết về phân tích cấu trúc tài chính, nghiên cứu lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính. Nêu lên được những đặc trưng cơ bản tài chính doanh nghiệp, cấu trúc tài chính doanh nghiệp, nội dung phân tích cấu trúc tài chính, cân bằng tài chính doanh nghiệp.

*Thứ hai*, tìm hiểu thực trạng cấu trúc tài chính tại Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, đánh giá cân bằng tài chính cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của Công ty từ đó rút ra được mối liên hệ giữa cấu trúc tài chính của Công ty với hiệu quả hoạt động và rủi ro tài chính trong hoạt động kinh doanh của mình.

*Thứ ba*, trên cơ sở lý thuyết về phân tích cấu trúc tài chính và trên cơ sở mục tiêu và yêu cầu cải thiện cấu trúc tài chính của Công ty một cách hợp lý, luận văn đã đưa ra được giải pháp nhằm cải thiện cấu trúc tài chính hiện tại của Công ty như: Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; nâng cao tỷ lệ vốn chủ thông qua thị trường chứng khoán; lựa chọn phương án tài trợ vốn thích hợp trong từng giai đoạn.

*Thứ tư*, luận văn đã đưa ra một số kiến nghị đối với nhà nước cũng như đối với Công ty, trong đó, khuyến nghị Công ty một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, góp phần thay đổi cải thiện cấu trúc tài chính.